

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HN-ST

Ngày: 31/8/2020

V/v “*Tranh chấp không công nhận quan hệ
vợ chồng và dành quyền nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Văn Hứng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thùy My** - Thư ký Tòa án nhân dân quận
Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và dành quyền nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà **Tôn Nữ Nhật P**, sinh năm 1987 (*Có mặt*).

Địa chỉ: đường B, phường Hi, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Phạm Đình S**, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: đường C, phường C, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn – Bà Tôn Nữ Nhật P trình bày:*

Trước đây vào khoảng năm 2010 bà và ông Phạm Đình S có quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống bà biết được ông S đã có gia đình nên kể từ đó tình cảm giữa bà và ông

S không còn. Theo mong muốn của bà là mong ông S quay về đoàn tụ với gia đình, còn phía ông S thì vẫn muốn duy trì mối quan hệ này. Do đó cả hai bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục chung sống nên đã chia tay 05 năm nay.

Vì vậy, bà Tôn Nữ Nhật P khởi kiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

+ Về con chung có 01 cháu: Phạm Ngọc Khánh H (Giới tính nữ, sinh ngày 10/12/2013). Khi ly hôn, bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu không yêu cầu ông Phạm Đình S cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – Ông Phạm Đình S đã được Tòa án thông báo triệu tập tập hợp họp lệ, đúng trình tự thủ tục nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vẫn không đến căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận bà Tôn Nữ Nhật P với ông Phạm Đình S chung sống với nhau như vợ chồng, có một con chung nhưng không có đăng ký kết hôn.

Do nguyên đơn và bị đơn không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Tôn Nữ Nhật P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Xét cháu Phạm Ngọc Khánh H (Giới tính nữ, sinh ngày 10/12/2013) được bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ, nhằm ổn định cuộc sống của cháu nên giao cháu H cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Hơn nữa, cháu Khánh H chưa đủ 07 tuổi nên chưa thể xem xét nguyện vọng của cháu. Do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Tôn Nữ Nhật P và ông Phạm Đình S chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, dành quyền nuôi con chung. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, dành quyền nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Đình S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn thực hiện việc xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Việc bà Tôn Nữ Nhật P và ông Phạm Đình S chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Có 01 cháu tên Phạm Ngọc Khánh H (Giới tính nữ, sinh ngày 10/12/2013).

Xét tình hình thực tế giữa bà P và ông S đã không còn chung sống với nhau hơn 05 năm, cháu Phạm Ngọc Khánh H là nữ, được bà P trực tiếp nuôi dưỡng từ trước đến nay. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Khánh H thì việc dành quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho bà P là phù hợp. Do bà P không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phạm Đình S theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tôn Nữ Nhật P trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Tôn Nữ Nhật P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7, 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Nhật P.

- *Tuyên bố:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tôn Nữ Nhật P và ông Phạm Đình S.

- *Về con chung có 01 cháu:* Phạm Ngọc Khánh H (Giới tính nữ, sinh ngày 10/12/2013). Bà Tôn Nữ Nhật P được quyền trực tiếp nuôi cháu Phạm Ngọc Khánh H, ông Phạm Đình S không phải cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phạm Đình S theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Tôn Nữ Nhật P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002170 ngày 25/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu, bà P không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Hứng